

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 06/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 6

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật. Hôm nay, chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn. Toàn kinh của kinh Vô Lượng Thọ gồm 48 phẩm, có thể chia thành 3 phần :

I - Phần tự

II - Phần chánh tông

III - Phần lưu thông

Đại sư Ngẫu Ích nói mỗi phần của toàn kinh đều có tính quan trọng. Phần tự giống như đầu người, nắm cơ quan đều ở trên đó; phần chánh tông giống như thân người, những tạng phủ chủ chốt đều ở trong cơ thể; phần lưu thông giống như tay chân người, không có tay chân thì không thể hành động. Theo lời của đại sư Ngẫu Ích nói, chúng ta chia kinh thành 3 phần.

Từ phẩm thứ nhất đến phẩm thứ 3 của kinh này là phần tự. Từ phẩm thứ 4 đến phẩm thứ 42 là phần chánh tông. Từ phẩm 43 đến phẩm 48 là phần lưu thông.

Trong phần tự lại có 2 phần:

Một là thông tự, đây là quy luật chung mà mọi kinh điển đều có, được gọi là “sáu thành tự”, chính là hai phẩm đầu của kinh này.

Hai là biệt tự, còn gọi là “phát khởi tự”. Biệt tự nói điều gì? Chính là nói đến duyên khởi của bộ kinh này. Vì các pháp không xuất hiện một cách biệt lập, hễ xuất hiện ắt có nguyên nhân, nên mỗi kinh đều có duyên khởi khác nhau; tức là bộ kinh này khác với bộ kinh kia, cho nên còn gọi là “biệt tự”. Phẩm thứ ba của kinh này là biệt tự.

Ví dụ, nhân duyên của kinh A-di-đà là không ai hỏi mà Phật tự nói. Vì sao không ai hỏi mà Phật tự nói? Bởi vì thính chúng khi đó không biết hỏi, thế nên Phật đã từ bi thương xót nói ra bộ kinh này cho mọi người, đây là tâm đại từ bi của ngài. Ví dụ, nhân duyên của Quán kinh là vì con trai của phu nhân Vi-đề-hy bất hiếu, muốn giết cha giết mẹ, nên bà thỉnh Phật đại bi cứu độ. Do nhân duyên ấy, Phật đã nói ra Quán kinh.

Ví dụ, nhân duyên của kinh Vô Lượng Thọ là do Phật phóng quang hiện tướng lành, ngài A-nan trước giờ chưa từng nhìn thấy, hôm nay Phật hiện tướng lành như vậy là duyên có gì? A-nan hướng về Phật nêu câu hỏi, Phật hiện tướng lành ắt có nhân duyên, Phật bèn nói ra lúc A-di-đà Phật ở nhân địa đã tu hành như thế nào, phát nguyện ra sao. Đoạn này liền trở thành phần biệt tự của kinh này, đây là phần chỉ riêng kinh này mới có.

Trong phần thông tự có sáu thành tựu:

Thứ nhất, tín thành tựu. Đây là cái đầu tiên trong sáu thành tựu, nếu không có lòng tin thì chỉ có được một chút tri thức Phật học mà thôi.

Thứ hai, văn thành tựu. Pháp này là từ Phật mà nghe được.

Thứ ba, thời thành tựu. Chỉ nói “một thuở nọ”, không nói năm tháng cụ thể.

Thứ tư, chủ thành tựu. Chủ nhân thuyết pháp là ai.

Thứ năm, xứ thành tựu. Địa danh thuyết pháp.

Thứ sáu, chúng thành tựu. Những người nào nghe pháp lúc đó.

Kinh Vô Lượng Thọ đầy đủ sáu thành tựu. Tiếp theo, mời xem kinh văn:

PHẨM THỨ NHẤT: PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG

Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, cùng với một vạn hai ngàn vị đại tỳ-kheo. Tất cả đại thánh đã đạt thần thông, tên các ngài là: tôn giả Kiều-trần-như, tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp, tôn giả A-nan v.v., là những bậc thượng thủ. Lại có Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lặc, và tất cả Bồ-tát trong Hiền kiếp đều đến dự pháp hội.

“Tôi nghe như vậy.”

Giải thích đơn giản rõ ràng nhất chính là: khai thị mà tôi nghe được từ bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật chính là thế này. Điều này chứng minh lời khai thị trong kinh xác thực là từ kim khẩu của Thế Tôn tuyên nói, không có sai lệch, mọi người có thể yên tâm tin theo. Cho nên, đây là tín thành tự.

“Như vậy” biểu thị tín thành tự.

Trí Độ Luận nói: “Biển lớn Phật pháp, tin mới vào được”, đây là chân lý không gì có thể phá vỡ. Phật pháp khác với những loại học vấn khác, chỉ cần lòng tin chân thật thì có thể không thầy mà tự thông. Lòng tin là điều kiện hàng đầu để nhiếp lấy các pháp.

Cái gọi là “thành tự” của một số người chẳng qua là nói như vẹt, đem kinh điển ra khoe mẽ mà thôi. Chỉ có khiến bản thân tương ứng với kinh, chú ý bốn chữ “tương ứng với kinh” thì mới gọi là “nhiếp lấy các pháp”. Cho nên nói “vừa vào cửa tín liền lên ngôi tổ sư”, đây thuộc về lòng tin lớn lao, triệt để.

“Như vậy” cũng mang ý nghĩa tin và làm theo. Đối với lời dạy của Phật, chẳng những phải sanh lòng tin, mà còn phải tuân theo và thọ trì, bằng không rất khó đạt được lợi ích chân thật.

“Tôi nghe” biểu thị văn thành tự.

“Tôi” là ngài A-nan tự xưng. “Nghe” là A-nan đích thân nghe được. A-nan nói: “Pháp môn này là tôi nghe từ Phật”. Vì sao vậy? Sau khi Phật nhập niết-bàn, để kết tập kinh văn, ngài A-nan đã lên tòa tụng tuyên cho mọi người. Khi đó mọi người có ba điều nghi hoặc.

1. Nghi Phật đã sống lại.
2. Nghi A-nan đã thành Phật.
3. Nghi Phật ở thế giới phương khác đến đây thuyết pháp.

Ngài A-nan vừa mở miệng liền nói, đây là tôi nghe từ Phật, là pháp mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói. Việc này biểu thị sự thừa. Ba điều nghi hoặc trên bỗng chốc tiêu tan.

Hoặc có người hỏi: Phật pháp chủ trương vô ngã, vì sao ngài A-nan vẫn xưng là “tôi”? Không biết rằng cách nghĩ như vậy của người hỏi đã rơi vào chấp “không”,

họ thể hội chữ “không” trong Phật pháp thành thứ không hề tồn tại như lông rùa sừng thỏ, điều này không phù hợp với đệ nhất nghĩa đế.

Trong kinh Kim Cang, không chỗ nào phủ nhận danh tướng giả, ví dụ: “32 tướng tức chẳng phải tướng, đó gọi là 32 tướng”. Giáo pháp Đại thừa nói: “Thật tướng vô tướng, song chẳng phải không có tướng”, như vậy mới không rơi vào chấp “có” của phàm phu, cũng không rơi vào chấp “không” của Nhị thừa, mà thông dong trung đạo, khế hợp đệ nhất nghĩa đế. Bồ-tát Đại thừa là “thường lạc ngã tịnh”. Có thể thấy, cái “không” đó chỉ là cái “ngã” hư vọng mà thôi.

Ở trên nói đến “đệ nhất nghĩa đế”, xin giới thiệu đơn giản một chút.

Đệ nhất nghĩa đế là một trong nhị đế, còn gọi là chân đế, thánh đế, thắng nghĩa đế, niết-bàn, chân như, thật tướng, trung đạo, pháp giới, chân không v.v. có nghĩa là chân lý thâm diệu, tên gọi tuy nhiều song chỉ biểu đạt một ý nghĩa.

Nhị đế là chân đế và tục đế.

“Một thuở nọ, đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá.”

“Một thuở nọ” biểu thị thời thành tựu.

Trong kinh Phật chỉ nói “một thuở nọ”, không có năm tháng cụ thể. Trong Di-đà Sớ Sao nói: hoặc là người thuyết pháp chứng đắc đà-la-ni, có thể trong một sát-na, thậm chí trong thời gian diễn nói một từ liền nói hết tất cả pháp môn, người ấy đã kéo một sát-na dài thành vô lượng kiếp; hoặc là người nghe pháp đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong thời gian nghe được một từ liền có thể hoàn toàn thông đạt tất cả pháp còn lại, việc này khác nào thu nhiều kiếp lại thành một sát-na. Có thể thấy thời gian dài hay ngắn tùy theo từng người mà có khác biệt. Đại sư nói: Phật và các đệ tử hội tụ một nơi, bậc Đại thánh muốn moi hết tâm tùy để diễn nói diệu pháp của Tịnh tông, ban cho lợi ích chân thật; các đồ đệ thánh hiền cũng do thiện căn nhiều kiếp đã chín muồi, có thể nhận lấy đại pháp. Tự giác giác tha, cơ duyên cảm thông, việc thuyết pháp và nghe pháp đều hoàn tất, nên gọi là “một thuở nọ”.

“Một thuở nọ” trong kinh này có 3 ý nghĩa:

1. Thời điểm cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã chín muồi.
2. Thời điểm ba điều kiện “tín nguyện hạnh” của chúng sanh đồng thời đầy đủ.

3. Thời điểm chúng sanh và chư Phật Bồ-tát cảm ứng đạo giao.

Ông Einstein cũng nói rằng: thời gian chỉ là cảm nhận sai lầm của nhân loại. Vì để phá trừ khái niệm hư vọng của chúng sanh, cho nên gọi là “một thuở nợ”. “Phật” biểu thị cho chủ thành tựu, quan trọng nhất trong sáu thành tựu, cho nên gọi là “chủ thành tựu”.

“Phật” chính là Phật-đà, dịch sang Trung văn chính là bậc giác ngộ, Phật là bậc Đại giác viên mãn ba thứ giác ngộ.

“Tự giác” tức vượt hơn sự không giác ngộ của phàm phu.

“Giác tha” tức vượt hơn Độc giác của Nhị thừa. (A-la-hán là tự giải thoát, Độc giác chính là tự mình giác ngộ)

“Giác mãn” tức vượt hơn Bồ-tát chưa viên mãn quả vị.

Người mà ba thứ giác ngộ đều đầy đủ viên mãn là bậc tôn quý nhất trong hàng thánh, cho nên gọi là “Phật-đà”. Còn được gọi là “bậc trí”, có trí tuệ vô thượng, cũng chính là hàm nghĩa của “giác mãn”. “Phật” trong kinh này là chỉ cho bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

“Ở núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá” biểu thị xứ thành tựu.

Thành Vương-xá có hai nơi: một nơi là thành mới, một nơi là thành cũ. Kinh này được nói ở thành cũ. Trong Pháp Hoa Luận nói: khi ấy ở Ấn Độ có Ngũ Thiên Trúc, có 16 tòa thành lớn, thành Vương-xá là lớn nhất. Thuyết pháp ở thành này nhằm biểu thị kinh này là thù thắng nhất. Kinh Pháp Hoa được nói ở thành này, biểu thị kinh này ngang với kinh Pháp Hoa.

“Núi Kỳ-xà-quật” là một trong 5 ngọn núi bên ngoài thành Vương-xá. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: đỉnh ngọn núi này giống như đầu chim kền kền, do có tiên nhân và kền kền sống ở đây, nên còn gọi là núi Linh Thụ, núi này thù thắng nhất trong 5 ngọn núi.

1. Núi này cách thành rất gần, nhưng lại khó lên. Vào thành khát thực sẽ không mệt, những kẻ tạp nham không dễ quấy nhiễu.

2. Núi này có phước đức, là nơi kiết tường, thánh nhân thích sống ở đây.

3. Núi này là chỗ ở của ba đời chư Phật, Phật quá khứ cũng thị hiện ở núi này.

4. Núi này vừa có phước đức, vừa rất thanh tịnh. Bồ-tát mười phương tán thán, tám bộ quỷ thần cung kính hộ trì.

“Cùng với một vạn hai ngàn vị đại tỳ-kheo.”

Đây là chúng thành tựu.

Phẩm này có 12.000 vị đại tỳ-kheo, cùng với ngài Phổ Hiền, Văn-thù và tất cả Bồ-tát trong Hiền kiếp. Trong phẩm thứ hai có 500 tỳ-kheo-ni, 7.000 ưu-bà-tắc, 500 ưu-bà-di, thiên chúng thanh tịnh trời Dục giới, trời Sắc giới. Phẩm sau cùng gồm thiên long bát bộ, tất cả đại chúng. Đây là đại chúng nghe pháp của kinh này. Chỉ nói riêng bốn chúng đệ tử trên địa cầu này là đã 20.000 người. Trong phẩm “lễ Phật hiện quang” của kinh này, 20.000 người này đã tận mắt nhìn thấy thế giới Cực Lạc. Đây là việc hết sức thù thắng, có thể làm chứng để chúng ta tin tưởng.

“Tỳ-kheo”: người nam xuất gia theo giới của Phật thì gọi là tỳ-kheo. Tỳ-kheo là tiếng Phạn, có 3 ý nghĩa:

1. Khất sĩ. “Khất” nghĩa là xin, chỉ cho việc xin ăn và xin pháp. Giới luật của Phật quy định người xuất gia không được phép kinh doanh và tích trữ tài sản, do đó dùng khất thực để duy trì sinh mạng. Xin pháp là chỉ cho việc tìm thầy cầu đạo, tu dưỡng tự tâm.

2. Phá ác. Là chỉ cho có thể phá phiền não. Dùng trì giới để ngăn ngừa lỗi lầm của hành vi nơi thân; dùng tu định để tiêu trừ động loạn của tâm mình; dùng chánh tuệ để quán sát, khiến tâm ngộ ra, có thể phá trừ kiến tư hoặc thì có thể ra khỏi tam giới.

3. Khiến ma kinh sợ. Do tỳ-kheo có thể phá ác nên ma sợ chúng sanh được Phật giáo hóa làm quyến thuộc của họ ít đi, do vậy trong tâm rất sợ hãi.

“Đại tỳ-kheo”, “đại” trong tiếng Phạn là “ma-ha”. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói “đại” có ba hàm nghĩa:

1. Lớn. Tuy có công đức rộng lớn nhưng không sống riêng.
2. Nhiều. Phật pháp và thế pháp thấy đều tinh thông.
3. Thù thắng. Vượt hơn 96 thứ ngoại đạo.

Trong Phật Địa Luận nói:

Một, căn tánh cực nhạy bén. Tuy vẫn chưa đạt đến bờ kia, nhưng đã có chủng tánh ba-la-mật-đa.

Hai, đắc quả vị vô học, đã chứng đến A-la-hán.

Ba, chứng quả có thể hướng đến bồ-đề của Đại thừa.

Tóm lại mà nói, đại tỳ-kheo là bậc tôn túc trong hàng tỳ-kheo, đức cao vọng trọng, hướng đến bồ-đề của Đại thừa.

“Một vạn hai ngàn người”. Trong Hội Sớ nói: trong nhiều kinh điển đều là 1.250 người. Kinh này và kinh Pháp Hoa đều là 12.000 người. Đây nhằm biểu thị pháp được nói chính là tâm yếu chân thật mà Thế Tôn đã ấp ủ trong lòng từ lâu, muốn nói mà chưa nói được. Hai bộ kinh này đều là khai quyền hiển thật, đều là xe trâu trắng lớn, đều là viên ngọc quý sẵn có của chính mình, đều là tri kiến Phật. Thế nên đại chúng tham dự pháp hội rất đông và hiếm có.

“Tất cả đại thánh, đã đạt thần thông.”

Đây là ca ngợi đức của các đại tỳ-kheo. “Tất cả đại thánh”, trong Gia Tường Sớ nói: khế hợp với lý không, phạm phu chẳng thể suy lường, cho nên gọi là “thánh nhân”. Ví dụ, trong Thiền tông hỏi: thế nào là ý của tổ sư từ Tây thiên đến? Phạm phu căn bản chẳng thể suy lường.

Trong Hội Sớ nói: Ngoài hiện tướng Thanh văn, trong ẩn hạnh Bồ-tát, cho nên gọi là “đại thánh”. Như tôn giả Tu-bồ-đề chính là Phật thị hiện.

Những vị đại Bồ-tát này vì giúp Thế Tôn khai hiển pháp môn Tịnh độ, nên đã làm ra những thị hiện khác nhau.

Tóm lại có thể thấy, chỉ có những vị hồi tiểu hướng đại, hành đạo Bồ-tát, hướng thẳng đến Phật quả, hoặc là bậc đại quyền thị hiện mới có thể xưng là “đại thánh”. Ví dụ, tôn giả A-nan chính là bậc đại quyền thị hiện, thế nên xưng là “đại thánh”.

“Đã đạt thần thông”, “thần thông” là chỉ cho thần túc, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng và lậu tận thông.

“Tên các ngài là: tôn giả Kiều-trần-như.”

“Tôn giả” là xưng hô tôn kính đối với A-la-hán.

Ban đầu khi Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, ngài Kiều-trần-như ngộ đạo đầu tiên, là một trong năm tỳ-kheo được độ hóa tột đầu. Trong Pháp Hoa Văn Cú nói: Kiều-trần-như là đệ tử bậc nhất trong pháp của Thế Tôn. Điều này ngầm chỉ rằng, những người tin tưởng thọ trì kinh này đều là đệ tử bậc nhất trong Phật pháp. Trong phẩm “chẳng phải Tiểu thừa” của kinh này nói: “Được nghe danh hiệu A-di-đà Phật, có thể sanh một niệm tâm vui thích, quy y chiêm lễ, tu hành đúng như lời dạy. Nên biết người này chẳng phải Tiểu thừa, ở trong pháp của ta được gọi là đệ tử bậc nhất.”

Trong đời quá khứ, ngài Kiều-trần-như chính là vua Ca-lợi mà trong kinh Kim Cang nhắc tới, ngài vu tội cho tiên nhân Nhẫn Nhục, (tức là đức Bồn sư trong lúc tu nhân), dụ dỗ phụ nữ, nên vua đã tàn nhẫn cắt xẻo thân thể của tiên nhân Nhẫn nhục. Thế Tôn thực sự bình đẳng, độ cả kẻ oán người thân, chính vì thế vua Ca-lợi đã trở thành vị đệ tử được độ đầu tiên.

Tâm lượng này không gì sánh được!

Đại trí, đại từ, đại ân, đại đức của Thế Tôn khiến người hết lòng khâm phục kính ngưỡng, khắc cốt ghi tâm, mãi mãi cảm kích, không hề thay đổi.

“Tôn giả Xá-lợi-phất.”

Ngài Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ đệ nhất.

Khi Xá-lợi-phất ở trong thai mẹ có thể khiến mẹ ngài được biện tài vi diệu, chẳng những vượt hơn người khác, mà còn vượt hơn nhà hùng biện Câu-hy-la, cậu của Xá-lợi-phất. Câu-hy-la là một người rất có học vấn, về sau quy y với Thế Tôn, trở thành đệ tử của đức Phật, chứng đắc A-la-hán.

Khi Xá-lợi-phất 8 tuổi, ngài đã lên giảng tòa của ngoại đạo, thuyết pháp cho đại chúng; 16 tuổi, ngài đi đến các nước du thuyết, tài biện luận vô song; sau khi học Phật, trong vòng 7 ngày, ngài thông đạt toàn bộ Phật pháp, trí tuệ đệ nhất.

Kinh này là pháp khó tin trong tất cả thế gian, chỉ có người đại trí tuệ mới có thể tin sâu không nghi. Thế nên ngài Xá-lợi-phất được xếp vào hàng thượng thủ, sau ngài Kiều-trần-như.

“Tôn giả đại Mục-kiền-liên.”

Ngài là bậc thần thông đệ nhất trong số đệ tử Phật.

Đại Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất hầu cận hai bên trái phải của Phật, Mục-kiền-liên ở bên trái, Xá-lợi-phất ở bên phải. Thần thông của ngài rất lớn, ngài từng đem số người của tộc Thích-ca trong một thành lên trời để tránh họa chiến tranh. A-la-hán đều có thần thông hàng long phục hổ, đảo ngược ngày đêm v.v.. Thần thông của Mục-kiền-liên là đệ nhất, ngài là nhân vật nổi bật trong các vị A-la-hán.

“Tôn giả Ca-diếp.”

Ngài là hạnh đầu-đà đệ nhất trong hàng đệ tử Phật.

Đầu-đà được dịch là “rất mực tinh tấn”, chỉ cho việc trừ bỏ phiền não trần lao. Có 12 hạnh đầu-đà, hiện chỉ nêu hai loại: một, không ăn quá ngọ. Chẳng những không dùng thức ăn thể lỏng, mà ngay cả nước cũng không uống. Hai, không ngủ. Chỉ ngồi không nằm. Thích-ca Mâu-ni Phật khuyên ngài: “Ông già rồi, đừng khổ tu như vậy.” Thế nhưng tôn giả vẫn khổ hạnh, không có mảy may tâm phóng dật. Phật tán thán ngài rằng: “Có hạnh đầu-đà thì pháp của ta sẽ trụ lâu.”

Điều mọi người cần chú ý đó là ngài đại Ca-diếp là sơ tổ truyền tâm ấn của Phật. Trong kinh Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi nói: Phạm vương đến Linh Sơn, dâng hoa ưu-bát-la vàng ròng lên Phật; lại lấy thân mình làm tòa giảng, thỉnh Phật thuyết pháp cho chúng sanh. Sau khi Thế Tôn lên tòa, cầm hoa trước đại chúng. Trăm ngàn chúng trời người ngơ ngác, không hiểu ý của Phật. Chỉ có ngài Ca-diếp lĩnh hội được tâm Phật, hết sức hân hoan, noãn miệng cười.

Phật liền tuyên bố nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, niết-bàn diệu tâm. Thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp.” Đây chính là công án cầm hoa truyền tâm ấn của Thế Tôn. Thế Tôn cầm hoa, Ca-diếp mỉm cười, việc truyền tâm ấn đại pháp đã xong. Chánh pháp nhãn tạng, niết-bàn thánh đức diệu tâm, pháp môn vi diệu thật tướng vô tướng thấy đều phó chúc cho đại Ca-diếp. Do vậy, ngài Ca-diếp trở thành sơ tổ của Thiền tông.

Ca-diếp một mình giữ chánh ấn của đấng Pháp vương, rất nhiều kinh điển đều có bằng chứng:

Trong kinh Niết-bàn nói: khi Phật sắp nhập niết-bàn, các tỳ-kheo ba lần thỉnh Phật trụ thế. Phật nói, tất cả chánh pháp vô thượng của ta đều đã giao phó cho đại Ca-diếp, ông ấy có thể đảm đương làm bậc nưong tựa vững chắc cho các ông, không hề khác biệt Thế Tôn.

Trong kinh Xá-lợi-phất Vấn nói: đại Ca-diếp có thể đảm đương làm bậc nương tựa vững chắc, không khác gì Thế Tôn.

Trong kinh Hoa Thủ nói: Thế Tôn thấy tôn giả Ca-diếp đi đến, bèn nhường nửa tòa cho tôn giả ngồi. Lại nói với ngài rằng: “Ông hãy đến đây, ngồi nửa tòa của Như Lai”.

Những dẫn chứng trên chứng tỏ tâm ấn của đấng Pháp vương cực kỳ quan trọng, pháp môn Thiền tông cực kỳ thù thắng. Nêu bật Thiền tông chính là tán dương Tịnh độ tông. Kinh Đại Tập gọi Tịnh độ là “vô thượng thâm diệu thiên”.

Trong Di-đà Yếu Giải nói: hết thảy năng sở của Tịnh tông không có thứ nào không được chánh ấn của thật tướng in vào. Pháp mà Thế Tôn phó chúc cho ngài Ca-diếp cũng chính là “pháp môn vi diệu thật tướng vô tướng”.

Đại Ca-diếp được xếp vào hàng thượng thủ trong kinh này, hiển thị ý nghĩa Thiền và Tịnh không hai.

“Tôn giả A-nan v.v..”

A-nan dịch là “khánh hỷ, hoan hỷ, vô nhiễm”, ngài là con trai của vua Bạch-phạn, là em họ của Phật. Ngài ra đời ngay ngày Phật thành đạo, vua Tịnh-phạn nghe tin thái tử thành Phật, lại nghe trong cung sanh con trai, nên hết sức vui mừng. Ông nói, hôm nay rất may mắn, là một ngày vui, đứa bé này sẽ được gọi là “Hoan Hỷ”.

30 năm sau khi Phật thuyết pháp, A-nan mới trở thành thị giả của Phật. Ngài theo Phật đến thiên cung, long cung, nhìn thấy phụ nữ cực kỳ xinh đẹp, trong tâm không khởi mảy may ý niệm ưa thích, nên còn gọi là “vô nhiễm”. Tất cả pháp mà Phật đã nói, A-nan đều có thể ghi nhớ, không quên một chữ. Trong kinh Niết-bàn nói: A-nan là bậc đa văn. Ngài Ca-diếp cũng khen ngợi rằng: “Nước biển lớn Phật pháp, rót vào tâm A-nan”. Do vậy, A-nan là vị đệ tử Phật đa văn đệ nhất.

“Là những bậc thượng thủ.”

Trong tất cả đại thánh chỉ nêu 5 vị làm thượng thủ, trong đây có hàm nghĩa rất sâu:

Tôn giả Kiều-trần-như: biểu thị biết rõ gốc gác của hành giả, gọi là đệ tử đệ nhất.

Tôn giả Xá-lợi-phất: biểu thị trí tuệ mà mỗi người sẵn có, gọi là trí tuệ đệ nhất.

Tôn giả đại Mục-kiền-liên: biểu thị thân thông mà mỗi người sẵn có, gọi là thân thông đệ nhất.

Tôn giả Ca-diếp: biểu thị linh quang độc diệu, thoát hẳn căn trần, gọi là đầu-đà đệ nhất.

Tôn giả A-nan: biểu thị cuộc đời an vui, tâm tâm tiếp nối, gọi là đa văn đệ nhất.

Kinh Đại Tập nói: “Nếu người chỉ niệm A-di-đà thì chính là vô thượng thâm diệu thiên”. Rất nhiều người tham thiền không hiểu rõ mấy về những đạo lý này. Người xưa nói: “Tham thiền mà không tin Tịnh độ, tôi dám chắc lão tăng ngài chưa ngộ”. Điều này nói rõ cái ngộ đó vẫn chưa triệt để.

Tịnh tông nói: “Một tiếng Phật hiệu, một tiếng lòng”. Một tiếng Phật hiệu trực tiếp hiển bày mặt mũi vốn có của hành giả! Như đây đã rõ, thế mới gọi là “hồ mạc thêm sừng”. Cho nên nói, bộ đại kinh này chính là giao pháp truyền tâm. Chỉ nên một mạch niệm thẳng, đó chính là vô thượng thâm diệu thiên. Bất luận là niệm trong định hay niệm trong tán, nhất định không uổng phí công lao.

Chúng ta hãy đem câu nói “niệm Phật là vô thượng thâm diệu thiên” ra phân tích lý giải, nhận định tỉ mỉ:

Niệm Phật là thiên; (khẳng định là thiên)

Niệm Phật là diệu thiên; (chẳng những là thiên, mà còn là diệu thiên)

Niệm Phật là thâm diệu thiên; (chẳng những là diệu thiên, mà còn là thâm diệu thiên)

Niệm Phật là vô thượng thâm diệu thiên; (chẳng những là thâm diệu thiên, mà còn là vô thượng, chính là không thứ nào có thể vượt hơn)

Nhận định đã xong, bạn vẫn không muốn niệm Phật sao?

“Lại có Bồ-tát Phổ Hiền.”

“Bồ-tát” là cách gọi tắt trong tiếng Phạn, nói đầy đủ là “Ma-ha bồ-đề chất-đế tát-đỏa”.

“Ma-ha” dịch là “lớn”; “bồ-đề” dịch là “đạo”; “chất-đế” dịch là “tâm”; “tát-đỏa” dịch là “chúng sanh” hoặc “hữu tình”. Dịch toàn bộ ra là “chúng sanh đạo tâm lớn”, gọi tắt là “bồ-đề tát-đỏa”.

Chưa đoạn hết vô minh thì gọi là “chúng sanh”. Rộng độ hữu tình cùng lên ngôi Đại giác, gọi là “giác hữu tình”. Bồ-tát là cách gọi tắt của “giác hữu tình”.

Vì sao nói Bồ-tát là chúng sanh đạo tâm lớn?

Trong Thanh Lương Sớ nói, Bồ-tát có bốn cái lớn:

1. Nguyên lớn. Có chí nguyện lớn, cầu đại bồ-đề.
2. Hạnh lớn. Làm lợi ích cho khắp chúng sanh.
3. Thời lớn. Độ hóa chúng sanh trong vô lượng đại kiếp, không hề chán mệt.
4. Đức lớn. Đầy đủ mọi công đức của Phật thừa.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói, Bồ-tát có sáu cái lớn:

1. Tin pháp lớn.
2. Hiểu nghĩa lớn.
3. Phát tâm lớn.
4. Hướng về quả vị lớn.
5. Tu hạnh lớn.
6. Chứng đạo lớn.

Thế nên, gọi Bồ-tát là “chúng sanh đạo tâm lớn”.

Phổ Hiền còn gọi là Biến Cát. Trong Thanh Lương Sớ nói có ba loại Phổ Hiền:

1. Vị tiền Phổ Hiền. Phát khởi tâm đại bồ-đề theo mười hạnh nguyện lớn của Phổ Hiền. Bất luận tu pháp nào, trước hết phải nên phát tâm bồ-đề. Ba bậc vãng sanh đều là phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm. Nếu chỉ chuyên niệm, không phát tâm bồ-đề thì giống như chim chỉ có một cánh. Tâm bồ-đề chỉ cho trí tuệ lớn, từ bi lớn, nguyện lực lớn, tâm tương dung vô ngại.

2. Vị trung Phổ Hiền. Phổ Hiền ở địa vị Đẳng giác. Trên Đẳng giác là Diệu giác, Diệu giác chính là Phật. Bồ-tát Đẳng giác còn một phần sanh tướng vô minh chưa phá, phá rồi tức là Phật.

3. Vị hậu Phổ Hiền. Phổ Hiền sau khi thành Phật. Tuy chứng đắc Phật quả, nhưng không bỏ hạnh nguyện lúc tu nhân, cho nên gọi là “vị hậu Phổ Hiền”. Bồ-tát Phổ Hiền được xếp ở vị trí thượng thủ trong số thánh chúng của pháp hội, đức hạnh được đại chúng tôn kính, địa vị vượt hơn Bồ-tát Bồ-xử và Bồ-tát Đăng-giác. Có thể thấy, Bồ-tát Phổ Hiền đã viên mãn diệu quả từ lâu. Vì để nhanh chóng viên mãn bốn nguyện dẫn dắt đại chúng trở về Cực Lạc, nên ngài thị hiện thân Bồ-tát, giúp Phật hoằng hóa.

Ngài Phổ Hiền, Văn-thù là trợ thủ hai bên trái phải của Thích-ca Mâu-ni Phật, giống như Quán Âm, Thế Chí của thế giới Cực Lạc. Trong kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm nói, Bồ-tát Phổ Hiền là con trưởng của tất cả chư Phật. Người xưa vô cùng xem trọng con trưởng. Trong trường hợp thông thường, ngôi vị hoàng đế do con trưởng kế thừa. Nói theo Mật giáo, đại sĩ Phổ Hiền là sơ tổ của Mật giáo, là ngài Kim Cang tát-đỏa. Đây là tên gọi tắt của Kim Cang Thủ Bồ-tát Ma-ha-tát. Trong Ngũ Bí Tát Quyết nói, Kim Cang tát-đỏa chính là Bồ-tát Phổ Hiền, gọi là đại a-xà-lê.

Bồ-tát Phổ Hiền được xếp vào vị trí thượng thủ trong kinh này, nêu rõ ý nghĩa Mật - Tịnh không hai.

Mọi người đều rất xem thường niệm Phật, trong tâm luôn muốn trì chú. Đáng tiếc không biết rằng niệm Phật chính là trì chú.

Kinh Kim Cang nói: “Các pháp bình đẳng, không có cao thấp”.

Thiền Tông nói, một cọng cỏ có cái dụng của thân vàng trượng sáu, thân vàng trượng sáu có cái dụng của một cọng cỏ. Có rất nhiều vấn đề, thực ra đều do nhân giả vọng sanh phân biệt.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói, Tịnh độ tông chính là giảng nói rõ ràng Mật giáo. Hồng giáo là giáo phái cổ xưa nhất của Mật giáo Tây Tạng. Đại sĩ Liên Hoa Sanh chính là hóa thân của A-di-đà Phật. Cho nên, Hồng giáo đặc biệt sùng bái A-di-đà Phật, khuyên mọi người vãng sanh Cực Lạc.

Sau cùng tôi đã hiểu rõ vì sao năm xưa, vị thầy Phật môn thứ hai của tôi, Lạt-ma Hương-căn La-mã-giao đời thứ 15 dạy chúng tôi đọc kinh Vô Lượng Thọ, niệm A-di-đà Phật. Nói đến đây, trong lòng tôi khởi lên cảm giác tự hào. Vì sao tự hào?

Trong tâm tôi nghĩ, vì sao mình lại tốt số như vậy? Ba vị thầy tốt của Phật môn, tôi đều đã được gặp.

Kể một chút về ba vị thầy trong Phật môn của tôi.

Vị thứ nhất dẫn tôi vào cửa Phật, truyền tam quy cho tôi là pháp sư thượng Giác hạ Ngộ. Ngài tu Tịnh độ, ngài dạy tôi đọc kinh Phật Thuyết A-di-đà, niệm A-di-đà Phật. Ngài đối với tôi đặc biệt tốt, giống như cha đối với con gái vậy, thế nên việc này dẫn đến sự đổ kỵ của rất nhiều đồng tu. Có người nói: “Lưu Tổ Vân ngây ngô, cái gì cũng không biết, vì sao sư phụ lại đối với cô ấy tốt như vậy?” Thật sự tốt, không phải giả. Mỗi lần tôi đến chùa thăm sư phụ, ngài đều lưu luyện không nề ròi, đều khiến bạn cảm thấy vô cùng ấm áp.

Có một lần ra về, tôi nói với sư phụ, để con đi một vòng quanh chùa xem thử. Sư phụ nói: “Thầy đi với con.” Tôi nói: “Sư phụ, thầy đi không tiện đâu, thầy ngồi trước cửa vừa phơi nắng vừa nhìn con là được, con không ra khỏi chùa, con đi vòng quanh chùa thôi.” Sư phụ nói: “Thầy đi với con.” Như vậy cùng đi. Sư phụ chống gậy đi theo sau tôi, tôi bước chậm rãi, cùng sư phụ đi một vòng, xem một vòng. Tôi gặp được vị thầy đầu tiên của mình như thế. Ngài đã dạy tôi học Phật thế nào, niệm Phật ra sao.

Vừa rồi tôi nói đến Lạt-ma Hương-căn La-mã-giao đời thứ 15 bảo chúng tôi đọc kinh Vô Lượng Thọ, việc này đã khiến chúng tôi hết sức kinh ngạc. Ngài sống ở huyện Sắc Đạt tỉnh Tứ Xuyên, là kim cương thượng sư của Mật tông, tôi từng gặp được Lạt-ma La-mã-giao hai lần ở Cáp Nhĩ Tân. Ngài bảo chúng tôi đọc kinh Vô Lượng Thọ, lại còn là bản hội tập. Tôi nhớ đại sư huynh không hiểu, nói: “Sư phụ, ngài là Lạt-ma của Mật tông vì sao không dạy chúng con trì chú, mà bảo chúng con đọc kinh Vô Lượng Thọ?” Sư phụ đã nói một câu: “Niệm kinh Vô Lượng Thọ tốt.” Ngài đã nói với chúng tôi như thế, lúc đó tôi có mặt ở đó. Sau đó ngài còn viết lên trang bìa của quyển kinh Vô Lượng Thọ câu mà ngài vừa nói, ký tên ngài lên đó. Rất kỳ lạ, vị thầy thứ hai của Phật môn mà tôi gặp chính là vị thầy như vậy. Điều đáng tiếc là tôi chỉ gặp ngài hai lần thì ngài viên tịch. Ngài viên tịch năm 46 tuổi. Lúc vị Lạt-ma này ở trong thai mẹ 5 tháng đã được xác nhận là Phật sống chuyển thế, đã tiếp nhận cúng dường của tín chúng.

Vị thầy thứ ba của tôi, không cần tôi nói mọi người cũng biết, chính là lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không mà chúng ta tôn kính và yêu quý.

Vừa rồi nói đến Lạt-ma La-mã-giao, tôi quên kể cho mọi người một tình tiết. Chính là Lạt-ma La-mã-giao đã đặt cho tôi một pháp hiệu, tên là “Đạt-nhiệt-la-mẫu”. Người bạn tốt của tôi nói: “Pháp hiệu của chị nghe rất hay, tên của em nghe không hay, chúng ta đổi cho nhau đi.” Tôi nói: “Được, đổi thì đổi.” Sư phụ liền bập bẹ nói bằng tiếng Trung rằng: “Việc này không được.” Kết quả, pháp danh này không đổi được. Sau việc này tôi hỏi sư phụ: “Thưa sư phụ, pháp danh của con có nghĩa là gì vậy?” Sư phụ nói với tôi: “Đó là tâm chú của Bồ-tát Quán Âm.”

Cho nên bây giờ nghĩ lại, sao tôi và Bồ-tát Quán Âm lại gắn kết tình cảm sâu đến như vậy? Tôi nghĩ ra rồi, bởi vì sư phụ đã ban cho tôi tâm chú của Bồ-tát Quán Âm. Cho nên tôi và Bồ-tát Quán Âm thực sự rất có duyên.

Vừa rồi nói đến lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Lần thứ 12 tôi gặp sư phụ, tôi đã thấy rõ sư phụ là người như thế nào. Vì vậy mãi cho đến nay, dù cảnh ngộ hết sức gian nan, tôi vẫn công khai tán thán lão pháp sư, bất kỳ người nào cũng không ngăn cản nổi. Làm người thì nên chánh trực, thẳng thắn, có sao nói vậy, nói lời thật, làm người thật, làm việc thật, đây chính là tiêu chuẩn làm người của tôi. Khi tôi ở trước sư phụ đã bị một số người đổ ky. Tôi không hiểu vì sao ba vị thầy đều đối với tôi rất tốt, còn tôi đều bị người khác đổ ky. Người ta đều nói, nói rằng tôi ngốc nghếch, cái gì cũng không biết, vì sao sư phụ lại tốt với tôi như vậy. Tôi cũng nghĩ không hiểu, sư phụ tốt với tôi, có lẽ vì tôi đã làm được sáu chữ: thật thà, nghe lời, thật làm. Thế nên tôi nói với tất cả những người niệm Phật, người mà lão pháp sư thích không phải chỉ một mình Lưu Tổ Vân tôi, mà ngài thích những người thực sự niệm Phật. Tôi là người thực sự niệm Phật, cho nên tôi là báu vật trong tay sư phụ. Nếu các bạn thực sự niệm Phật cầu sanh Tịnh độ thì mỗi người các bạn đều là báu vật trong tay sư phụ, còn quý hơn tôi, đây là câu nói chân thành và lời khuyên của tôi dành cho các bạn. Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.